

BÁO CÁO

Kết quả theo dõi diễn biến rừng xã Trà Thanh năm 2024

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018;

Thực hiện Công văn số 1318/UBND-LN ngày 02/5/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc tổ chức triển khai thực hiện công tác theo dõi cập nhật và báo cáo diễn biến rừng trên địa bàn huyện Trà Bồng năm 2024; Công văn số 30/HKL-BVR ngày 18/3/2024 về việc tổ chức triển khai thực hiện công tác theo dõi cập nhật và báo cáo diễn biến rừng trên địa bàn huyện Trà Bồng năm 2024 và các năm tiếp theo.

UBND xã Trà Thanh báo cáo quả theo dõi diễn biến rừng năm 2024 trên địa bàn xã như sau:

I. KẾT QUẢ THEO DÕI DIỄN BIẾN RỪNG NĂM 2024

1. Hiện trạng rừng và đất chưa thành rừng năm 2024

- Tổng diện tích tự nhiên của toàn xã: **4.924,79 ha.**

- Tổng diện tích (gồm diện tích có rừng và diện rừng trồng chưa thành rừng): 3.411,73 ha, Trong đó:

a) Diện tích có rừng: 2.711,70 ha. Trong đó:

- Rừng tự nhiên: 781,17 ha.

- Rừng trồng: 1.990,53 ha.

b) Diện tích chưa thành rừng: 1.609,71 ha (*Diện tích đã trồng rừng chưa đạt tiêu chí thành rừng 1.609,71 ha*).

c) Diện tích cây trồng phân tán: 5,50 ha.

2. Diện tích (gồm diện tích có rừng và diện rừng trồng chưa thành rừng) theo chức năng

a) Phòng hộ: 786,00 ha, trong đó:

- Diện tích rừng: 576,85 ha (*rừng tự nhiên 466,34 ha; rừng trồng 110,51 ha*).

- Diện tích chưa thành rừng 209,15 ha (*Diện tích đã trồng rừng chưa đạt tiêu chí thành rừng 209,15 ha*).

b) Sản xuất: 1.660,24 ha, trong đó:

- Diện tích rừng 1.242,71 ha (*rừng tự nhiên 218,85 ha; rừng trồng 1.023,86 ha*).

- Diện tích chưa thành rừng 1.218,50 ha (*Diện tích đã trồng rừng chưa đạt tiêu chí thành rừng 1.218,50 ha*).

c) Ngoài 3 loại rừng: 1.134,20 ha, trong đó:

- Diện tích có rừng 952,14 ha (*rừng tự nhiên 95,98 ha; rừng trồng 856,16 ha*).

- Diện tích chưa thành rừng 182,06 ha (*Diện tích đã trồng rừng chưa đạt tiêu chí thành rừng 182,06 ha*).

3. Diện tích (gồm diện tích có rừng và rừng trồng chưa thành rừng) phân theo chủ quản lý

3.1. Chủ rừng nhóm II

Ban Quản lý rừng phòng hộ 786,00 ha, trong đó:

- Diện tích rừng 576,85 ha (*rừng tự nhiên 466,34 ha; rừng trồng 110,51 ha*).

- Diện tích chưa thành rừng 209,15 ha (*rừng trồng chưa thành rừng 209,15 ha*).

3.2. Chủ rừng nhóm I

a) Hộ gia đình 2.828,31 ha, trong đó:

- Diện tích rừng 1.932,45ha (*rừng tự nhiên 66,03 ha; rừng trồng 1.866,42 ha*).

- Diện tích chưa thành rừng 895,86 ha (*rừng trồng chưa thành rừng 895,86 ha*).

b) Cộng đồng 211,37 ha

- Diện tích rừng 211,37 ha (*rừng tự nhiên 211,37 ha; rừng trồng 0 ha*).

- Diện tích chưa thành rừng: 0 ha.

c) UBND xã: 555,73 ha, trong đó:

- Diện tích rừng: 51,03 ha (*rừng tự nhiên 37,43 ha; rừng trồng 13,60 ha*).

- Diện tích chưa thành rừng: 504,70 ha.

4. So sánh số liệu hiện trạng rừng năm 2023 với số liệu hiện trạng rừng năm 2024:

TT	Loại đất, loại rừng	2023	2024	Tăng/giảm
I	Diện tích rừng	2.828,06	2.771,70	56,36

1	Rừng tự nhiên	786,34	781,17	-5,17
2	Rừng trồng	2.041,72	1.990,53	-51,19
II	Diện tích chưa thành rừng (gồm rừng trồng chưa thành rừng)	1.554,01	1.609,71	+55,70

5. Nguyên nhân tăng giảm:

5.1. Diện tích rừng trồng năm 2024 giảm - 162.25 ha so với năm 2023, trong đó:

- a) Giảm diện tích: - 218,25 ha, do các nguyên nhân sau:
 - Nguyên nhân khai thác rừng trồng - 218,25 ha.
- b) Tăng diện tích: 55.70 ha.

Nguyên nhân rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng chuyển qua rừng trồng thành rừng 55.70 ha;

5.2. Diện tích rừng trồng chưa thành rừng tăng 221.50 ha so với năm 2023, trong đó:

- a) Nguyên nhân tăng 213.33 ha
 - Khai thác trồng lại rừng tăng 218.25 ha.
 - Nguyên nhân khác 4.92 ha, do sai hiện trạng diện tích rừng tự nhiên nhưng qua kiểm tra thực tế tại hiện trường thì là rừng trồng của người dân.

5.3. Diện tích rừng tự nhiên năm 2023 giảm 4.92 ha, so với năm 2024, trong đó:

- a) Biến động diện tích rừng tự nhiên giảm 5.17 do khoanh nuôi tái sinh trạng thái DT2 chuyển qua trạng thái rừng tự nhiên (TXP) diện tích 5.17 ha của Trạm Quản lý bảo vệ rừng khu Tây huyện.
- b) Biến động diện tích rừng tự nhiên giảm -0.25 ha, do nguyên nhân phá rừng

5. Độ che phủ rừng năm 2024

- Không bao gồm cây phân tán 56,28% .
- Bao gồm cây phân tán 56,39% .

(Chi tiết có các Biểu IV-02, IV-03, IV-04, IV-05 kèm theo)

II. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Hạt Kiểm lâm thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn cho cán bộ địa chính xã sử dụng phần mềm diễn biến rừng trong thời gian đến.

- Đề nghị Trạm Quản lý rừng khu Tây báo cáo Hạt Kiểm lâm huyện cập nhập diện tích rừng trồng bằng vốn ngân sách nhà nước từ năm 2013 nhưng chưa báo cáo cho Hạt Kiểm lâm để cập nhật theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân xã Trà Thanh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- Trạm Quản lý BVR khu Tây huyện;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Quang